

Số: **06/2023/QĐST-VDS**

Đơn Dương, ngày 22 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi
hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Lê Thị Kim Ngân**.

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên họp: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 66/2023/TLST-VDS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 67/2023/QĐMPH-VDS ngày 05/9/2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Võ Quốc T** – Chấp hành viên chi cục thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông **Cao Quách S**, sinh năm: 1957, bà **Phan Thị Thanh T1**, sinh năm 1969; Địa chỉ: **số A thôn K, xã K, huyện Đ, Lâm Đồng**. (có mặt)

Người làm chứng:

- Vợ chồng ông **Cao Thanh L**, sinh năm 1972, bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978; Địa chỉ: **số A thôn K, xã K, huyện Đ, Lâm Đồng**. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Cao Thị Hồ Đ**, sinh năm: 1965; Địa chỉ: **thôn K, xã K, huyện Đ, Lâm Đồng**. (có mặt)

- Bà **Cao Thị Bạch Y**, sinh năm: 1961; Địa chỉ: **thôn K, xã K, huyện Đ, Lâm Đồng**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

*Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ông **Võ Quốc T**- Chấp hành viên - Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương trình bày:*

Chi cục thi hành án dân sự **huyện Đ** đang tổ chức thi hành Quyết định số 29/2022/QĐCNTT - DS ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương. Theo Quyết định thi hành án số 496/QĐ - CCTHADS ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, theo đó bà **Nguyễn Thị Thanh T2** có nghĩa vụ thi hành án trả cho bà **T3** Prong Thom số tiền 190.000.000đ và khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Xác minh điều kiện thi hành án của đương sự cho thấy: Ông **Cao Quách S** – bà **Nguyễn Thị Thanh T2** đang quản lý sử dụng tài sản gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 762m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 748 tờ bản đồ 313A **xã K, huyện Đ** đứng tên ông **Cao Quách S**. Bà **T2** và ông **S** cho rằng toàn bộ tài sản nói trên là của riêng ông **Cao Quách S**, bà **T2** không đóng góp gì trong khối tài sản trên.

Để có cơ sở thi hành án, ngày 04/01/2021 Chấp hành viên đã ban hành thông báo số 202/TB – CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án cho ông **Cao Quách S** và bà **Nguyễn Thị Thanh T2** để ông **S** và bà **T2** thực hiện quyền tự phân chia tài sản hoặc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản nói trên để thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án Dân sự. Hết thời hạn thông báo, ông **S**, bà **T2** không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, ngày 19/10/2021, Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương ban hành thông báo số 12/TB – CCTHADS về việc: “ xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án” gửi cho người được thi hành án là bà **Tou Prong T4** biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án Dân sự. Tuy nhiên, hết thời hạn theo quy định nhưng người được thi hành cũng không yêu cầu Tòa án phân chia hoặc xác định phần quyền tài sản của bà **T2** và ông **S**.

Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật, khoản 3 Điều 75 Thi hành án dân sự, Chấp hành viên đề nghị Tòa án xác định có hay không phần quyền sử dụng đất của bà **Nguyễn Thị Thanh T2** trong khối tài sản là Quyền sử dụng diện tích đất 762m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 748 tờ bản đồ số 313 **xã K, huyện Đ** đứng tên ông **Cao Quách S** theo thủ tục tố tụng dân sự để làm cơ sở thi hành án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Cao Quách S, bà Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày: Ông Cao Quách S bà Nguyễn Thị Thanh T2 xác định quyền sử dụng diện tích đất 762m² thuộc thửa đất 748 tờ bản đồ 313A xã K, huyện Đ đã được UBND huyện Đ cấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 032571 ngày 09/10/2014 đứng tên Cao Quách S đây là tài sản riêng của ông Cao Quách S, có nguồn gốc là tài sản của cha mẹ ông Cao Quách S là ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị K để lại cho các con chứ không phải tài sản do vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng từ ông Cao Thanh L theo như hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do UBND xã K chứng thực vào ngày 22/9/2014. Trên diện tích đất này có 01 căn nhà xây cấp 4 được xây dựng vào năm 2014, nguồn tiền xây dựng căn nhà do ông S và các con làm nghề mộc tích cóp xây dựng, bà T2 không đóng góp công sức gì trong việc xây dựng căn nhà. Theo quyết định số 29/2022/QĐCNTT - DS ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương thì bà Nguyễn Thị Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho bà T3 Prong Thom số tiền 190.000.000đ, bà T2 xác định đây là nợ riêng của bà không liên quan gì đến ông Cao Quách S.

Nay trước yêu cầu của Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thanh T2 trong khối tài sản là Quyền sử dụng diện tích đất 762m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 748 tờ bản đồ số 313 xã K, huyện Đ đứng tên ông Cao Quách S theo thủ tục tố tụng dân sự để làm cơ sở thi hành án theo quy định của pháp luật, ông S bà T2 không đồng ý và xác định quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản riêng của ông Cao Quách S có nguồn gốc được nhận thừa kế từ đất của cha mẹ để lại. Ông bà không còn ý kiến nào khác.

Những người làm chứng trình bày:

Vợ chồng ông Cao Thanh L, bà Nguyễn Thị H trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 21/8/2023: ông Cao Quách S là anh ruột của ông Cao Thanh L. Bố mẹ các ông tên là Cao Văn M và Nguyễn Thị K hiện đều đã chết. Trước khi chết, bố mẹ có tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 2001m² thuộc thửa 146 tờ bản đồ số 313A xã K. Ông Cao Văn M chết vào năm 1997, bà Nguyễn Thị K chết năm 2014. Trước khi bà Nguyễn Thị K chết, các anh em trong nhà đều thống nhất giao quyền sử dụng diện tích đất trên cho vợ chồng ông L đứng tên sử dụng và vợ chồng ông đã được UBND huyện Đ cấp quyền sử dụng diện tích đất 2001m² thửa 146 tờ bản đồ 313A nêu trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 1434772 ngày 09/7/2007. Thực hiện di nguyện của cha mẹ cũng như toàn thể anh em trong gia đình, quyền sử dụng diện tích đất trên được chia cho 04 anh em gồm: Cao Thanh L, Cao Quách S, Cao Thế T5 và Cao Thị Hồ Đ, tuy nhiên do ông Cao Quách S hoàn cảnh khó khăn, con đông nên ông Cao Thế T5 đã nhường phần của ông T5

cho ông S. Do đó, năm 2014 trước khi bà Nguyễn Thị K chết, vợ chồng ông bà có xin tách thửa đất 146 thành 03 thửa gồm: Thửa 748 diện tích 765m², thửa 749 diện tích 642m², phần còn lại của thửa 146 diện tích 594m². Sau khi hoàn thành việc tách thửa, vợ chồng ông đã làm thủ tục sang tên thửa 748 cho ông Cao Quách S, sang tên phần còn lại tại thửa 146 cho bà Cao Thị Hồ Đ, vợ chồng ông bà sử dụng phần đất tại thửa 749. Vợ chồng ông bà xác định diện tích đất 765m² thuộc thửa 748 tờ bản đồ 313A hiện do vợ chồng ông Cao Quách S, bà Nguyễn Thị Thanh T2 đang quản lý sử dụng là tài sản riêng của ông Cao Quách S do ông S nhận thừa kế nguồn gốc đất do cha mẹ để lại. Việc UBND xã K xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông với ông Cao Quách S, vợ chồng ông không hiểu, vợ chồng ông không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ việc sang nhượng đất cho ông S như trong hợp đồng chuyển nhượng do UBND xã K xác lập. Vợ chồng ông chuyển quyền sử dụng thửa đất 748 cho ông Cao Quách S là thực hiện di nguyện của cha mẹ cũng như các anh em trong gia đình.

Ông Cao Thế T5 trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 24/7/2023: Trước khi cha mẹ chết có để lại diện tích đất 2001m² thuộc thửa 146 tờ bản đồ 313A xã Ka Đơn. Các anh em trong gia đình đều thống nhất để Cao Thanh L đứng tên sử dụng sau đó diện tích đất trên sẽ tách thành 04 thửa cho Cao Quách S, Cao Thanh L, Cao Thị Hồ Đ và ông. Do hoàn cảnh của ông Cao Quách S khó khăn nên ông đã cho ông S phần đất của ông. Ông khẳng định diện tích đất 765m² thửa 748 tờ bản đồ 313A xã Ka Đơn hiện do vợ chồng ông Cao Quách S, bà Nguyễn Thị Thanh T2 quản lý sử dụng là tài sản riêng của ông S do ông S nhận thừa kế nguồn gốc đất do cha mẹ để lại.

Bà Cao Thị Bạch Y xác định là anh em ruột với ông Cao Quách S và ông Cao Thanh L và đều thống nhất với lời trình bày của ông Cao Thanh L, bà Nguyễn Thị H về nguồn gốc diện tích đất 765m² thửa 748 tờ bản đồ 313A xã Ka Đơn hiện do vợ chồng ông Cao Quách S, bà Nguyễn Thị Thanh T2 quản lý sử dụng, đều thống nhất xác nhận quyền sử dụng diện tích đất nêu trên là tài sản riêng của ông Cao Quách S do ông S nhận thừa kế nguồn gốc đất do cha mẹ để lại, bà T2 vợ ông S không có quyền sử dụng trong diện tích đất nêu trên với ông S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký phiên họp, việc chấp hành pháp luật của đương sự đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương về việc yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thanh T2 trong khối tài sản là Quyền sử dụng diện tích đất 762m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 748 tờ bản đồ số 313 xã

K, huyện Đ đứng tên ông Cao Quách S theo thủ tục tố tụng dân sự để làm cơ sở thi hành án theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về loại việc và thẩm quyền giải quyết: Đây là việc dân sự “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Các ông Võ Quốc T, ông Cao Thanh L, bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên họp theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà T2 là người phải thi hành án theo Quyết định số 29/2020/QĐST – DSST ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 496/QĐ - CCTHADS ngày 12/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, theo đó bà T2 có nghĩa vụ thi hành án trả cho bà T3 Prong Thom số tiền 190.000.000đ và khoản tiền lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Chấp hành viên đã thông báo cho người phải thi hành án, người được thi hành án về việc tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần QSD đất trong khối tài sản chung nhưng các đương sự không thực hiện việc yêu cầu nên Chấp hành viên yêu cầu xác định phần phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bà T2 trong khối tài sản với ông S để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án là phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự.

[2.3] Diện tích đất 762m² thuộc thửa 748 tờ bản đồ số 313A xã K được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BV 032571 ngày 09/10/2014 đứng tên ông Cao Quách S. Theo ông S và bà T2 đều xác định quyền sử dụng diện tích đất nêu trên là tài sản riêng của ông S, bà T2 không có phần quyền gì trong khối tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 762m² thửa 748 tờ bản đồ 313A xã K. Nguồn gốc do ông S nhận thừa kế từ cha mẹ là ông Cao Văn M, bà Nguyễn Thị K để lại cho con chứ không phải tài sản do ông S, bà T2 nhận chuyển nhượng từ

ông Cao Thanh L. Qua xác minh tại sổ mục kê lưu trữ tại UBND xã K, thấy rằng trước khi ông M và bà K chết, ông M có đăng ký đứng tên trong sổ mục kê với diện tích đất 2001m² thuộc thửa 146 tờ bản đồ 313A xã K, vị trí đất thuộc khu vực thôn K, xã K, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G676241 do UBND huyện Đ cấp ngày 04/12/1996 cho ông Cao Văn M. Theo hồ sơ sao lục lưu trữ do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ cung cấp, cho thấy vào ngày 22/4/2007 bà Nguyễn Thị K cùng các con trong gia đình lập biên bản họp gia đình thống nhất giao toàn bộ tài sản chủ hộ Cao Văn M cho con là Cao Thanh L được toàn quyền sử dụng trong đó có thửa đất 146. Trên cơ sở đó, ngày 21/5/2007 bà Nguyễn Thị K chuyển nhượng toàn bộ đất của gia đình cho ông Cao Thanh L và bà Nguyễn Thị H trong đó có thửa 146 tờ bản đồ 313A xã Ka Đơn. Ngày 09/7/2007, ông Cao Thanh L, bà Nguyễn Thị H được cấp quyền sử dụng diện tích đất 2001m² thửa 146 tờ bản đồ 313A xã Ka Đơn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI434772. Ngày 21/3/2013, ông Cao Thanh L nộp hồ sơ xin tách thửa đất 146 thành 03 thửa gồm: Thửa 748 diện tích 765m²; thửa 749 diện tích 642m²; diện tích đất còn lại tại thửa 146 là 594m². Sau khi tách thửa, ông Cao Thanh L, bà Nguyễn Thị H đã chuyển quyền sử dụng đất tại thửa 748 cho ông Cao Quách S; phần diện tích đất còn lại tại thửa 146 chuyển nhượng cho bà Cao Thị Hồ Đ. Như vậy lời trình bày của ông Cao Quách S cũng như những người làm chứng đều phù hợp với hồ sơ Tòa án thu thập được, chứng minh nguồn gốc diện tích đất 762m² thửa 748 tờ bản đồ số 313A xã Ka Đơn được cấp quyền sử dụng đất đứng tên ông Cao Quách S có nguồn gốc đất do cha mẹ để lại. Về tài sản trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 hiện do gia đình ông Cao Quách S lưu trú, ông S và bà T2 đều thống nhất xác nhận căn nhà trên bà T2 không đóng góp công xây dựng, nguồn tiền xây dựng do ông S và các con thu nhập từ nghề mộc xây dựng nên. Căn cứ khoản 1 Điều 91 quy định nghĩa vụ chứng minh, người yêu cầu giải quyết việc dân sự không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh căn nhà trên là tài sản chung của ông S bà T2, trong khi đó người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan lại không thừa nhận. Do đó, không có cơ sở xem xét xác định có hay không phần quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất của ông S đối với bà T2.

Từ những chứng cứ nhận định nêu trên, có căn cứ xác định nguồn gốc diện tích đất 765m² thửa 748 tờ bản đồ số 313A xã K đứng tên người sử dụng đất ông Cao Quách S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 032571 ngày 09/10/2014 là tài sản riêng của ông Cao Quách S có nguồn gốc thừa kế đất đai từ cha mẹ để lại, không phải là tài sản do ông S, bà T2 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, việc chấp hành viên Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thanh T2 trong khối tài sản là Quyền sử dụng diện tích đất 762m² thửa 748 tờ bản đồ 313A và tài sản gắn liền với đất đứng tên ông

Cao Quách S theo thủ tục tố tụng dân sự để làm cơ sở thi hành án theo quy định của pháp luật là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 361, 367, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương về việc yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất của bà **Nguyễn Thị Thanh T2** trong khối tài sản là Quyền sử dụng diện tích đất 762m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 748 tờ bản đồ số 313 **xã K, huyện Đ** đứng tên ông **Cao Quách S** theo thủ tục tố tụng dân sự để làm cơ sở thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. \

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Kim Ngân

